

Dung Dịch Thuốc Tiêm FUROSEMIDE SALF
(Furosemid 20mg / ống 2ml)

THÀNH PHẦN

Mỗi ống 2ml có chứa:

Hoạt chất: Furosemid20mg

Tã được: Natri hydroxide, Nước pha tiêm vừa đủ 2ml.

ĐƯỢC LÝ HỌC

Được lực học

- Furosemid là thuốc lợi tiểu dẫn chất sulfonamide thuộc nhóm tác dụng mạnh, nhanh, phụ thuộc liều lượng. Thuốc tác dụng ở nhánh lên của quai Henle, vì vậy được xếp vào nhóm thuốc lợi tiểu quai. Cơ chế tác dụng chủ yếu của furosemid là ức chế hệ thống đồng vận chuyển Na^+ , K^+ , 2Cl^- , ở đoạn dày của nhánh lên quai Henle, làm tăng thải trừ những chất điện giải này kèm theo tăng bài xuất nước. Cũng có sự tăng đào thải Ca^{++} và Mg^{++} . Tác dụng lợi tiểu của thuốc mạnh, do đó kéo theo tác dụng hạ huyết áp, nhưng thường yếu. Ở người bệnh phù phổi, furosemid gây tăng thể tích tĩnh mạch, do đó làm giảm huyết áp tiền gánh cho thất trái trước khi thấy rõ tác dụng lợi tiểu.

Được động học

- Khi tiêm tĩnh mạch, tác dụng của thuốc thể hiện sau khoảng 5 phút và kéo dài khoảng 2 giờ.
- Một phần ba lượng thuốc hấp thu được thải trừ qua thận, phần còn lại thải trừ qua nước tiểu, chủ yếu dưới dạng không chuyển hóa, thuốc thải trừ hoàn toàn trong 24 giờ.
- Furosemid qua được hàng rào nhau thai và vào trong sữa mẹ.

CHỈ ĐỊNH

- Furosemid được dùng chủ yếu để điều trị phù và cao huyết áp, có giá trị trong một số trường hợp khi liệu pháp thiazid thất bại.
- Phù do tim đã kháng với liệu pháp glycoside, cổ trướng do xơ gan tắc nghẽn cơ học hay phù suy tim do thận.
- Phù ngoại biên do tắc nghẽn cơ học hoặc do biến đổi thành tĩnh mạch.
- Phối hợp với thuốc trị cao huyết áp để điều trị cao huyết áp vừa và nhẹ.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Điều trị phù: Trong trường hợp cấp cứu, hoặc khi không dùng được đường uống, có thể tiêm bắp hoặc tĩnh mạch chậm 20 - 40 mg hoặc cần thiết có thể cao hơn. Nếu liều lớn hơn 50 mg thì nên tiêm truyền tĩnh mạch chậm. Để chữa phù phổi, liều tiêm tĩnh mạch chậm ban đầu là 40 mg. Nếu đáp ứng chưa thoả đáng trong vòng một giờ, liều có thể tăng lên 80 mg, tiêm tĩnh mạch chậm.

Với trẻ em liều thường dùng, đường tiêm là 0,5 - 1,5 mg/kg /ngày, tối đa là 20 mg/ngày.

Điều trị tăng huyết áp: Furosemid không phải là thuốc chính để điều trị bệnh tăng huyết áp và có thể phối hợp với các thuốc chống tăng huyết áp khác để điều trị tăng huyết áp ở người có tổn thương thận.

Liều dùng 40mg x 2 lần/ngày, dùng đơn độc hoặc phối hợp với các thuốc hạ huyết áp khác.

Liều pháp liều cao

Điều trị thiếu niệu - vô niệu trong suy thận cấp hoặc mãn, khi mức lọc của cầu thận dưới 20 ml/phút, lấy 250 mg furosemid pha loãng trong 250 ml dịch truyền thích hợp, truyền trong một giờ. Nếu tác dụng lợi tiểu chưa đạt yêu cầu một giờ sau khi truyền xong liều có thể tăng lên 500 mg pha với số lượng dịch truyền phù hợp và thời gian truyền khoảng 2 giờ. Nếu tác dụng lợi tiểu chưa thoả đáng 1 giờ sau khi kết thúc lần thứ hai, thì cho liều thứ ba: 1 gam furosemid được truyền tiếp trong 4 giờ, tốc độ truyền không quá 4 mg/phút. Nếu liều tối đa 1 gam truyền tĩnh mạch không có tác dụng, người bệnh cần được lọc máu nhân tạo.

Có thể dùng nhắc lại liều đã có hiệu quả sau 24 giờ hoặc có thể tiếp tục bằng đường uống (500 mg uống tương đương với 2.0 mg tiêm truyền). Sau đó, liều phải được điều chỉnh tùy theo đáp ứng của người bệnh.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Viêm thận cấp, nồng độ kali huyết thấp.
- Mẫn cảm với Furosemid, và các dẫn chất sulphonamid.
- Suy thận hoặc vô niệu do các thuốc gây độc đối với thận và gan.
- Suy thận liên quan đến hôn mê gan.

ALL
11/08/2023
T.Đ.

TÁC DỤNG PHỤ

- Phần lớn những tác dụng phụ liên quan đến việc điều trị Furosemid là mất cân bằng điện giải bao gồm giảm natri huyết, giảm kali huyết và nhiễm kiềm do giảm clo huyết, đặc biệt sau khi dùng liều cao hoặc điều trị kéo dài. Không giống thuốc lợi tiểu thiazide, Furosemid làm tăng sự đào thải của canxi qua nước tiểu.
- Nhiễm canxi thận có xảy ra khi dùng Furosemid cho trẻ thiếu tháng.
- Furosemid có thể gây tăng đường huyết và đường niệu, nhưng có lẽ tác dụng phụ này nhẹ hơn so với khi dùng các thuốc lợi tiểu thiazid. Thuốc có thể gây tăng acid uric huyết và gây ra cơn gout kịch phát ở một số bệnh nhân.
- Những tác dụng phụ khác ít xảy ra hơn như rối loạn tiêu hóa, mờ mắt, chóng mặt, nhức đầu và hạ huyết áp thể đứng, phát ban, da nhạy cảm với ánh sáng, mất bạch cầu hồng hạt, giảm tiểu cầu, giảm bạch cầu.
- Viêm tụy thường gặp khi dùng liều cao và vàng da ứ mật từng được ghi nhận. Û tai và giảm thính lực hiếm khi xảy ra khi tiêm nhanh liều cao Furosemid.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng phụ khi dùng thuốc.

THẬN TRỌNG CHUNG

- Furosemid là một thuốc gây lợi tiểu mạnh, do đó nếu sử dụng liều quá cao có thể gây mất nhiều nước và chất điện giải, vì thế cần phải theo dõi cẩn thận khi dùng thuốc.
- Thận trọng khi dùng Furosemid cho bệnh nhân xơ gan cổ trướng, trường hợp này nên tiến hành liệu pháp trong bệnh viện.
- Trong trường hợp hôn mê gan và mất chất điện giải, không nên sử dụng Furosemid cho đến khi tình trạng cơ bản được cải thiện.
- Bổ sung KCl và nếu cần, dùng chất đối kháng aldosterone để dự phòng nguy cơ giảm kali huyết và nhiễm kiềm chuyển hóa.
- Nếu tăng nitơ huyết, vô niệu, bệnh thận nặng và tiến triển xảy ra trong quá trình điều trị, nên ngưng sử dụng Furosemid.
- Những trường hợp ù tai và suy giảm thính lực có phục hồi hoặc không phục hồi được cho là độc tính của Furosemid lên thính giác do tiêm nhanh, do suy thận trầm trọng, do liều dùng vượt quá nhiều lần liều chỉ định hoặc do dùng cùng lúc với các kháng sinh loại aminoglycoside, acid ethacrynic và những thuốc độc tính trên tai khác.
- Giảm natri huyết có thể xuất hiện ở bệnh nhân bị suy tim sung huyết nghiêm trọng mà lại phù nặng, đặc biệt khi dùng liều cao Furosemid phối hợp với chế độ dinh dưỡng ít muối ăn.
- Furosemid có thể làm giảm bài tiết canxi qua nước tiểu, đôi khi gây tăng canxi huyết nhẹ. Không nên dùng Furosemid cho bệnh nhân bị tăng canxi huyết, đặc biệt là người cao tuổi dễ nhạy cảm với sự mất cân bằng điện giải.
- Thận trọng khi dùng thuốc ở những bệnh nhân bị phì đại tuyến tiền liệt hoặc thiếu niệu vì thuốc có thể gây bí tiểu cấp.

TƯƠNG TÁC THUỐC

- Furosemid có thể làm tăng độc tính thận của những kháng sinh nhóm cephalosporin như cephalothin khi sử dụng đồng thời.
- Furosemid có thể làm tăng độc tính trên tai của những kháng sinh nhóm aminoglycoside.
- Tương tự những thuốc lợi tiểu khác, Furosemid làm tăng hoạt tính hạ huyết áp của những thuốc trị cao huyết áp. Đặc biệt thận trọng khi phối hợp Furosemid với chất ức chế men chuyển do có khả năng gây giảm huyết áp mạnh.
- Bệnh nhân dùng salicylate cùng với Furosemid như trong bệnh thấp khớp có thể xuất hiện độc tính của salicylate ngay ở liều thấp do hai thuốc này cạnh tranh đào thải ở thận.
- Furosemid có xu hướng đối kháng với tác dụng gây giãn cơ của tubocurarine và có thể làm tăng hoạt tính của succinylcholin khi sử dụng đồng thời.

CCC

1.1.2024.07.17



PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

- Chưa có những nghiên cứu đầy đủ trên phụ nữ mang thai. Chỉ sử dụng Furosemid cho phụ nữ mang thai khi lợi ích điều trị cao hơn nguy cơ có thể xảy ra cho bào thai.
- Vì thuốc có bài tiết vào sữa nên cần thận trọng khi sử dụng Furosemid cho bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC :

Nhìn chung Furosemid không ảnh hưởng đến khả năng lái xe hay vận hành máy móc. Tuy nhiên, cũng như nhiều thuốc khác, Furosemid có thể gây ra chóng mặt ở một số bệnh nhân. Do đó cần thận trọng trong việc điều khiển máy móc trong quá trình dùng Furosemid.

TÍNH TƯƠNG KÝ :

Dung dịch tiêm truyền furosemid cần môi trường kiềm nhẹ hoặc trung tính, dung dịch acid gây kết tủa thuốc, không được phối hợp bất cứ thuốc gì vào dịch truyền hoặc bơm tiêm có chứa furosemid.

QUÁ LIỀU

- Những dấu hiệu và triệu chứng chủ yếu của quá liều Furosemid là mất nước, giảm thể tích máu, hạ huyết áp, mất cân bằng điện giải, giảm kali huyết và nhiễm kiềm chlo huyết và kéo dài tác dụng lợi tiểu. Sử dụng những biện pháp hỗ trợ và bù nước cùng chất điện giải đã mất. Tiến hành thường xuyên những xét nghiệm điện giải, nồng độ CO₂ và huyết áp. Thông tiểu phải được bảo đảm ở bệnh nhân bị bí tiểu. Thăm phân máu không loại trừ được Furosemid.

BẢO QUẢN : Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng mặt trời.

HẠN DÙNG : 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN : Nhà sản xuất

DẠNG TRÌNH BÀY: 5 ống / hộp.

KHUYẾN CÁO :

Tránh xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.
Thuốc này chỉ dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc.

Sản xuất tại Italy bởi:

S.A.L.F. S.p.A. Laboratorio Farmacologico
Via G. Mazzini, 9 – 24069 – Cenate Sotto (BG)




PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh


S. Pharma